TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 31- 5 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Học và bà Đỗ Thị Hòa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 28/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐ-HNGĐ ngày 15/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị N, sinh năm 1980. Nơi thường trú: Thôn Táo 3, xã Tam Thuấn, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Phan Đình T, sinh năm 1978. Nơi thường trú: Thôn Táo 3, xã Tam Thuấn, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của chị Trương Thị N là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/11/1998 tại UBND xã Tam Thuấn, huyện Phúc Thọ. Sau khi cưới, chị về gia đình anh T làm ăn chung sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con và phát triển kinh tế chung trong gia đình. Do các con còn nhỏ nên chị cố chịu đựng để nuôi dưỡng các con trưởng thành. Từ năm 2020 chị và anh T đã sống ly thân, vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng không nói chuyện, không

ăn cùng nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm nhất vào ngày 31/10/2022, sau khi 2 bên to tiếng, anh T đã đánh chị, sự việc được Công an xã và chính quyền địa phương can thiệp. Sau lần đó, chị đã dọn ra ngoài ở. Hiện nay, chị đang thuê nhà ở phường Quảng Bá, quận Tây Hồ vừa để ở vừa thuận tiện cho việc bán hoa tươi. Nhà đất của vợ chồng tại xã Tam Thuấn chỉ có anh T và con trai chị đang ở. Anh T cũng bán hoa tươi tại chợ Quảng Bá, Tây Hồ. Thỉnh thoảng, chị có gặp anh T ở chợ nhưng vợ chồng không nói chuyện gì với nhau. Khi chị gửi đơn ly hôn đến Tòa án, anh T và các con đều biết. Anh T cũng không còn tình cảm với chị, hiện đang chung sống cùng người phụ nữ khác. Anh không đến Tòa án giải quyết ly hôn là muốn gây khó khăn cho chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Phan Thị T1, sinh ngày 02/9/1999 và cháu Phan Đình K, sinh ngày 14/9/2001. Cháu T1 đã kết hôn; cháu K khỏe mạnh, có công việc ổn định.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Phan Đình T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến Tòa án và đến phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Kết quả xác minh tại địa phương: Anh T kết hôn với chị N năm 1998. Vợ chồng có 02 con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và có công việc ổn định. Những năm gần đây, vợ chồng anh T có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Có lần, chị N đã phải gửi đơn đến Công an xã và chính quyền địa phương đề nghị giải quyết, can thiệp việc vợ chồng cãi nhau, xô sát, gây mất trật tự trị an. Nguyên nhân vợ chồng anh T mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế chung gia đình. Từ năm 2022, chị N đã không sống cùng nhà với anh T. Nhà đất của vợ chồng tại xã Tam Thuấn chỉ có anh T và con trai ở. Hàng ngày, anh T đi chợ bán hoa tươi ở phường Quảng Bá, quận Tây Hồ đến tối muộn mới về nhà. Chị N có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của chị N đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn thì chưa.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị N. Chị Trương Thị N được ly hôn anh Phan Đình T. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Thị T1, sinh ngày 02/9/1999 và cháu Phan Đình K, sinh ngày 14/9/2001 đều đã trưởng thành, khỏe mạnh. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Trương Thị N có đơn xin ly hôn anh Phan Đình T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Tam Thuấn, huyện Phúc Thọ và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị Trương Thị N và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án. Anh Phan Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị N và anh Phan Đình T xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/11/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Thuấn, huyện Phúc Thọ nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và phát triển kinh tế chung gia đình. Những năm gần đây, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xô sát, gây mất trật tự. Có lần, Công an xã và chính quyền địa phương phải đến giải quyết, can thiệp việc gia đình anh T chị N. Vợ chồng hiện đang sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng và xin được ly hôn anh T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T không còn gắn bó, vợ chồng đã sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn anh T là có căn cứ.

Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Phan Thị T1, sinh ngày 02/9/1999 và Phan Đình K, sinh ngày 14/9/2001. Cả 02 con của anh chị đều đã trưởng thành, khỏe mạnh.

Về tài sản chung và nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N được ly hôn anh Phan Đình T.

1.2. Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Phan Thị T1, sinh ngày 02/9/1999 và Phan Đình K, sinh ngày 14/9/2001 đều đã trưởng thành, khỏe mạnh.

1.3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042051 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã Tam Thuấn, huyện Phúc Thọ (số 18-26/11/1998);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Hiếu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hiếu